

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2023

V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức;
2. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bạc Thị T1, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Bản M, xã Q, huyện Y, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Hà Duy T2, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện N, thành phố Hải Phòng.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Bạc Thị T1 và anh Hà Duy T2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bạc Thị T1 trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bạc Thị T1 và anh Hà Duy T2 được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 nghiện ma túy, không chịu làm ăn để nuôi con, mọi chi phí cho cuộc sống gia đình do một mình chị T1 lo toan. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không có kết quả, anh T2 không thay đổi. Năm 2014 chị T1 đã bỏ đi làm ăn, kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau. Trong khoảng thời gian này anh T2 có tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2020 anh T2 phạm tội và bị Tòa án xử phạt tù, khi vừa chấp hành án về địa phương anh T2 tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị Tòa án xét xử, Hiện anh T2 đang chấp hành án tại trại giam X, huyện N, thành phố Hải Phòng. Nay chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T2 và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T1 được ly hôn anh T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 có hai con chung là con Hà Bảo A1, sinh ngày 10/12/2010 và con Hà Bảo A2, sinh ngày 17/7/2014. Ly hôn, chị T1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản: Chị T1 và anh T2 không có tài sản chung, không vay nợ chung. Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** Bị đơn anh Hà Duy T2 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2010 tại UBND phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì chị T1 bỏ đi, anh T2 và gia đình hoàn toàn không biết. Năm 2023 chị T1 về thì anh T2 không có mặt tại gia đình, trong thời gian chị T1 đi vợ chồng không liên lạc với nhau. Anh T2 xác định vẫn còn tình cảm với chị T1, chị T1 xin ly hôn, anh T2 không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 có hai con chung là con Hà Bảo A1, sinh ngày 10/12/2010 và con Hà Bảo A2, sinh ngày 17/7/2014. Hiện cả hai con chung đang ở với chị T1. Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh T2 có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh T2 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản: Chị T1 và anh T2 không có tài sản chung, không vay nợ chung. Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** UBND phường D, thành phố T cung cấp:* Chị T1 và anh T2 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố T vào ngày

05/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung tại phường D, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh T2 nghiện ma túy. Đến năm 2014 chị T1 bỏ đi khỏi địa phương. Hiện nay anh T2 đang chấp hành án do vi phạm pháp luật. Chị T1 và anh T2 có hai con chung là con Hà Bảo A1, sinh ngày 10/12/2010 và con Hà Bảo A2, sinh ngày 17/7/2014. Khi chị T1 bỏ đi, anh T2 đi chấp hành án thì hai cháu ở với ông bà nội, hiện tại chị T1 đã đón hai cháu về chăm sóc, nuôi dạy. Vợ chồng có tài sản chung hay không, có vay nợ chung hay không thì địa phương không biết. Chị T1 xin ly hôn anh T2, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:*

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, có bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ tham gia đầy đủ theo triệu tập của Tòa án phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Hiện bị đơn đang chấp hành án nhưng cũng đã có bản tự khai, có mặt tại phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng không có mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2. Về nội dung - Đề nghị:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Bạc Thị T1 được ly hôn anh Hà Duy T2.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Bạc Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Bảo A1, sinh ngày 10/12/2010 và con Hà Bảo A2, sinh ngày 17/7/2014. Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Bạc Thị T1 phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Chị Bạc Thị T1 có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa. Anh Hà Duy T2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đang chấp hành án tại trại giam. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt chị T1 và anh T2.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T1 trình bày là do anh T2 nghiện ma túy, không chịu làm ăn để nuôi con, mọi chi phí cho cuộc sống gia đình do một mình chị T1 lo toan. Chị T1 và anh T2 đều trình bày là chị T1 và anh T2 đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị T1 và anh T2 không liên lạc với nhau. Chị T1 xin ly hôn, anh T2 không đồng ý ly hôn, xét thấy trên thực tế cuộc sống chung giữa chị T1 và anh T2 đã không còn tồn tại, tình yêu thương đối với nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T1, xử cho chị T1 được ly hôn anh T2.

[2] Về nuôi con chung: Chị T1 và anh T2 có hai con chung. Ly hôn chị T1 và anh T2 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Hiện tại anh T2 đang chấp hành án tại giam Xuân Nguyên, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên không có điều kiện nuôi con. Hiện chị T1 đang nuôi dưỡng hai con chung, để ổn định cuộc sống của hai con chung, giao cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[3] Về chia tài sản: Chị T1 và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bạc Thị T1 phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bạc Thị T1 được ly hôn anh Hà Duy T2.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bạc Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Bảo A1, sinh ngày 10/12/2010 và con Hà Bảo A2, sinh ngày 17/7/2014. Anh Hà Duy T2 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Hà Duy T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bạc Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T1 đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001439 ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm cho chị T1.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bạc Thị T1 và anh Hà Duy T2 có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường D, TP.T, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Chu Thị Tuyết